TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BĐ
TỈNH BP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2018
"V/v: Tranh chấp HN&GĐ".

NHÂN DÔNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng
2. Ông Nguyễn Quang Liêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên toà*:** Bà Đàm Thị Thủy.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện BĐ, tỉnh BP.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 292/2017/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017. Về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018, giữa các đương S:

1. *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị Th; Sinh năm 1977. (Có mặt).
HKTT: Thôn 5, xã P, huyện BĐ, tỉnh BP.
2. *Bị đơn*: Ông Lương Văn S; Sinh năm 1974. (Vắng mặt)
HKTT: Thôn 5, xã P, huyện BĐ, tỉnh BP.

Hiện đang chấp hành án tại Phân trại giam Z30A - Trại giam X – Cục V – Bộ Công an; Địa chỉ: Huyện X, tỉnh ĐN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Hoàng Thị Th trình bày: Bà và ông S tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 1999, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã P, huyện BĐ, tỉnh BP cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên

nhân là do ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên ra cãi vã nhau; đến năm 2005 ông S bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh BP xử phạt 20 năm tù về tội "giao cấu với trẻ em", vì vậy tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài liên tục trong thời gian dài và đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu ly hôn với ông S.

Bà và ông S có 01 con chung tên là Lương Thị T, sinh ngày 13/8/2001. Bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng, do hiện nay ông S đang chấp hành án;

Bà và ông S có tài sản chung là 01 thửa đất diện tích 321m^2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 397304, vào sổ cấp số H00135 do Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp ngày 01/8/2005. Bà có nguyện vọng để ông S quản lý sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên, ông S thông toán cho số tiền chênh lệch là 50.000.000đ. Bà và ông S không có khoản nợ chung nào, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin rút một phần nội dung khởi kiện ngày 25/10/2017, bà Th xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung với ông S.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/3/2018 bị đơn ông S trình bày: Ông xác nhận quá trình tìm hiểu, chung sống, đăng ký kết hôn; mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do ông gây ra cũng như tình trạng hôn nhân hiện nay giữa ông và bà Th như bà Th trình bày là đúng; Ông đồng ý ly hôn với bà Th, đồng ý giao con chung cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không có ý kiến về việc rút yêu cầu chia tài sản chung của bà Th; Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác. Ông đang chấp hành án nên đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông theo quy định của pháp luật.

Cháu Lương Thị T trình bày: Cháu là con ruột của ông S và bà Th, nay ông S bà Th không tiếp tục sống chung với nhau cháu có nguyện vọng được ở với mẹ; Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trông luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Th và ông S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký và được Uỷ ban nhân xã P cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 123 ngày 5/12/2002, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà Th và ông S không có hạnh phúc, nguyên nhân là do ông S có quan hệ nam nữ với người phụ nữ khác làm cho mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông S còn bị Tòa án nhân dân tỉnh BP xử phạt 20 năm tù về tội "Hiếp dâm trẻ em", từ đó tình cảm vợ

chồng không thể hàn gắn được, lỗi làm cho mục đích hôn nhân không đạt được là do ông S gây ra. Hiện nay ông S và bà Th đều có nguyện vọng chấm dứt quan hệ hôn nhân, nên yêu cầu xin ly hôn của bà Th đối với ông S là có căn cứ cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Th và ông S có 01 con chung là Lương Thị T, sinh ngày 13/8/2001, bà Th và ông S thống nhất sau khi ly hôn thì bà Th có nghĩa vụ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ý kiến của ông S bà Th nói trên phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận giao con chung của ông bà cho bà Thị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Bà Th và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra.

[3] Về tài sản chung: Ngày 25/10/2017 bà Th rút yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất có diện tích 321m^2, tại thôn 5, xã P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 093769, vào sổ cấp số H00032 do Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp ngày 17/5/2007 cho hộ Lương Văn S và Hoàng Thị Th để tự thỏa thuận giải quyết. Tại phiên tòa bà Th giữ nguyên yêu cầu rút yêu cầu chia tài sản; việc rút yêu cầu chia tài sản của bà Th là tự nguyện nên cần chấp nhận yêu cầu của bà Th đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Bà Th và ông S trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị Th được ly hôn với ông Lương Văn S.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị Th có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lương Thị T, sinh ngày 13/8/2001. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị Th về yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất có diện tích 321m^2, tại thôn 5, xã P, đất có Giấy CNQSD đất số AH 093769, vào sổ cấp số H00032 do Ủy ban nhân dân huyện BĐ cấp ngày 17/5/2007 cho hộ Lương Văn S và Hoàng Thị Th.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Th phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 1.550.000đ theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021540 ngày 16/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh BP. Bà Th được nhận số tiền tạm ứng án phí còn lại là 1.250.000đ.

Đương S có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương S vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- UBND xã P;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Huệ